TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Đại
2. Bà Bùi Thị Vân

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Tăng Thị Huyền T, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn L 1, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

* *Bị đơn*: Anh Cao Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 1, xã X, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

**Người làm chứng*:

- Bà Tăng Thị Hường, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn L 1, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên họp, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T, bà Hường vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị T và anh T kết hôn vào ngày 23/4/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T thường chửi bới, xúc phạm chị. Hiện vợ chồng chị đã sống ly thân mỗi người một nơi. Đến nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Cao Anh Đ, sinh ngày 12/10/2018. Hiện nay cháu Đức đang ở với chị. Khi ly hôn do con còn nhỏ, nên chị xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị lao động tự do, thu nhập T bình một ngày là 200.000đ.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

* Lời khai của người làm chứng là bà Tăng Thị Hường (mẹ đẻ chị T) cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị T, anh T nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Đề nghị giao con chung cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con chung. Ngoài ra, bà Hường còn đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng, gia đình bà sẽ tạo điều kiện để mẹ con chị T có chỗ ở ổn định, lâu dài, đồng thời sẽ hỗ trợ chị Hường trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu Đức.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử chị T và anh T ly hôn. Về con chung: Giao con chung là Cao Anh Đ, sinh ngày 12/10/2018 cho chị T nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau, Gia đình đã khuyên bảo nhưng tình trạng vợ chồng chị T vẫn không được cải thiện. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị T ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T có 01 con chung là Cao Anh Đ, sinh ngày 12/10/2018. Chị T xin nuôi con, HĐXX thấy: Cháu Đức hiện còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị T được gia đình hậu thuẫn trong việc chăm sóc, nuôi dạy cháu Đức. Anh T không có lời khai hay văn bản nào đề nghị xin nuôi con chung. Mặt khác từ khi vợ chồng chị T sống ly thân đến nay, cháu Đức vẫn ở với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu Đức cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Tăng Thị Huyền T ly hôn anh Cao Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Cao Anh Đ, sinh ngày 12/10/2018 cho chị Tăng Thị Huyền T nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0000975 ngày 31/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã X, Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung